DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision : 3446 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *10* ***tháng 11 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia / of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Phòng Kỹ thuật bảo vệ (Phòng 7)**
Laboratory:	***Function 7***
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	**Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an**
Organization:	***VIP Protection Command - Ministry of Public Security***
Số hiệu/ *Code:*	**VILAS 1652**
Chuẩn mực công nhận *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hoá**
Field:	***Chemical***
Người quản lý:	**Đỗ Thị Anh Cúc**
Laboratory manager:	***Do Thi Anh Cuc***
Hiệu lực công nhận: *period of Validation:*	**Từ ngày** *10* **/ 11 / 2026 đến ngày** *09* **/ 11 / 2031**
Địa chỉ: *Address*:	**16 Trần Vũ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội** ***No 16, Tran Vu street, Ba Dinh ward, Hanoi city***
Địa điểm: *Location:*	**16 Trần Vũ, Phường Ba Đình, Thành phố Hà Nội** ***No 16, Tran Vu street, Ba Dinh ward, Hanoi city***
Điện thoại/ *Tel*:	**84 915 820 822**
Email:	**anhcucmta@gmail.com**
Website:	

Lĩnh vực thử nghiệm: Hoá
Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng Nitrit (NO_2^--N) Phương pháp UV-Vis *Determination of Nitrite content (NO_2^--N) UV-Vis method*	NO_2^--N: 0,03 mg/L	P7.C.M01:2026
2.		Xác định hàm lượng Nitrat (NO_3^--N). Phương pháp UV-Vis *Determination of Nitrate content (NO_3^--N) UV-Vis method*	NO_3^--N: 0,25 mg/L	P7.C.M02:2026
3.		Xác định hàm lượng nguyên tố: Chì (Pb), Cadmi (Cd), Asen (As), Thủy ngân (Hg), Antimon (Sb), Crom (Cr), Đồng (Cu), Mangan (Mn), Sắt (Fe), Nhôm (Al) Phương pháp ICP-MS *Determination of element: Lead (Pb), Cadmium (Cd), Arsenic (As), Mercury (Hg), Antimony (Sb), Chromium (Cr), Copper (Cu), Manganese (Mn), Iron (Fe), Aluminum (Al) ICP-MS method*	Pb: 0,001 mg/L Cd: 0,001 mg/L As: 0,001 mg/L Hg: 0,0005 mg/L Sb: 0,001 mg/L Cr: 0,005 mg/L Cu: 0,005 mg/L Mn: 0,005 mg/L Fe: 0,02 mg/L Al: 0,02 mg/L	P7.C.M03:2026
4.		Xác định pH *Determination of pH*	2 ~ 12	P7.C.M04:2026
5.		Xác định độ cứng Phương pháp chuẩn độ *Determination of hardness Titration method*	10 mg $CaCO_3$/L	P7.C.M05:2026

Chú thích/*Note*:

- P7.C.M …: Phương pháp do Phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for VIP Protection Command - Ministry of Public Security that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*.